

Số: 230/TCT-KK

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2024

V/v tiền chậm nộp thuế TNDN

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Lai Châu.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 367/CTLCH-TTKT ngày 19/05/2023 của Cục Thuế tỉnh Lai Châu vướng mắc về tính tiền chậm nộp thuế TNDN tạm tính theo Nghị định số 91/2022/NĐ-CP. Về việc này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Khoản 1 Điều 55 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 quy định về thời hạn nộp thuế:

“Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp thì tạm nộp theo quý, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau”.

Khoản 1 Điều 108 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 quy định về xử lý kết quả kiểm tra thuế, thanh tra thuế:

“1. Căn cứ vào kết quả kiểm tra thuế, thanh tra thuế, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định xử lý về thuế, thu hồi số tiền thuế đã hoàn không đúng quy định của pháp luật về thuế, xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. Trường hợp xác định rõ hành vi vi phạm hành chính tại biên bản thanh tra thuế, kiểm tra thuế thì biên bản thanh tra thuế, kiểm tra thuế được xác định là biên bản vi phạm hành chính.

Điểm d khoản 1 Điều 112 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế ra quyết định kiểm tra thuế:

“d) Quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kết luận, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế”

Điểm đ khoản 1 Điều 116 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra thuế:

đ) Quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý kết quả thanh tra, đôn đốc việc thực hiện quyết định xử lý về thanh tra thuế”

Điểm a Khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 quy định về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu:

“1. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn bao gồm:

a) Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, trên các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”.

Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ:

“6. Các loại thuế, khoản thu khai quyết toán năm và quyết toán đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp.

...

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng vốn của nhà thầu nước ngoài; thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này). Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả tạm phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp cho địa bàn cấp tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, nơi có bất động sản chuyển nhượng khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính) Và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước”.

Căn cứ các quy định nêu trên, thuế thu nhập doanh nghiệp là loại khai quyết toán theo năm, tạm nộp thuế theo quý. Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại khai quyết toán theo năm, tạm nộp thuế theo quý. Theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, người nộp thuế không có nghĩa vụ khai, nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý. Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý. Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp khai trên tờ khai quyết toán thuế năm là số tiền thuế thực nộp của người nộp thuế; hành vi không nộp, nộp thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp không bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thiếu thuế quy định tại Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

Về nội dung xác định tiền chậm nộp đối với hành vi nộp thiếu tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo tỷ lệ quy định trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính: đề nghị Cục Thuế căn cứ quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra nêu trên và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để xác định truy thu số tiền thuế, tiền chậm nộp còn thiếu đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Lai Châu được biết và thực hiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Mai Sơn (để b/c);
- Vụ PC, CS, QLN;
- Cục TTKT;
- Lưu VT, KK.

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI VÀ KẾ TOÁN THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Đào Ngọc Sơn